

Số: 803 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 19 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trường mầm non Lạc Long Quân”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc Quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 409/TTr-STNMT ngày 14/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Trường mầm non Lạc Long Quân” (sau đây gọi là dự án) của Trường mầm non Lạc Long Quân (sau đây gọi là chủ dự án) thực hiện tại Tổ dân phố Hùng Lãm 3, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ báo cáo

¹ thành lập theo Quyết định số 464/QĐ-TNMT ngày 24/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

đánh giá tác động môi trường dự án “Trường mầm non Lạc Long Quân” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Hồng Thái; Trường mầm non Lạc Long Quân và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Trường mầm non Lạc Long Quân (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- + Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “TRƯỜNG MẦM NON LẠC LONG QUÂN”
(Kèm theo Quyết định số 803 /QĐ-UBND ngày 19 /8/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Trường mầm non Lạc Long Quân.
- Địa điểm thực hiện: Tổ dân phố Hùng Lãm 3, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Trường mầm non Lạc Long Quân.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

* Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Tổ dân phố Hùng Lãm 3, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng là 7.000 m².

* Quy mô của dự án: Đầu tư trường mầm non đáp ứng nhu cầu chăm sóc và giáo dục cho khoảng 300 trẻ, bao gồm 15 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Với tổng vốn đầu tư 15.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng chẵn*).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà lớp học, nhà để xe, nhà bảo vệ, đường giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, xử lý nước thải,...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

- + Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
- + Hoạt động vận hành của dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 7.000 m² đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên (LUC), là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất để thực hiện dự án: Dự án chiếm dụng diện tích đất là 7.000 m², trong đó toàn bộ là đất trồng lúa 02 vụ.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Dựng lán trại, tập kết vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị thi công,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu,...

- + Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau:
 - ++ Bụi từ hoạt động đào móng, bẻ ngàm.
 - ++ Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông; từ máy móc, thiết bị thi công xây dựng.
 - ++ Bụi, khí thải từ hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng, hoạt động thi công xây dựng.
- + Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị, từ quá trình rửa xe,... và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.
- + Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng và hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Hoạt động của cán bộ, giáo viên, nhóm trẻ:
 - + Khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn; từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ; từ hoạt động các phương tiện giao thông;
 - + Nước thải, rác thải phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.
- Bảo dưỡng hạ tầng kỹ thuật:
 - + Bùn phát sinh từ quá trình nạo vét cống rãnh, ga thoát nước, bể tự hoại.
 - + Cây cối, cành cây chặt bỏ.
 - + Chất thải phát sinh từ quá trình tu bổ đường giao thông nội bộ.
 - + Chất thải nguy hại, gồm: các loại chai đựng hóa chất tẩy rửa, bình xịt muối, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...
- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông,...
- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; sự cố kỹ thuật, sự cố lây bệnh, nguy cơ lan truyền mầm bệnh, sự cố an toàn thực phẩm, sự cố ngập úng,...
- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 3,0 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng Coliforms...
 - + Nước thải thi công phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng hệ thống thoát nước trong khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, TSS...

- Bụi, khí thải:

++ Bụi từ hoạt động đào móng, bê ngàng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

++ Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông; từ máy móc, thiết bị thi công xây dựng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi....

++ Bụi, khí thải từ hoạt động bốc dỡ nguyên vật liệu xây dựng, hoạt động thi công xây dựng, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi....

++ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x,..

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 0,068 tấn/ngày, bao gồm: vật liệu thừa, đất đá do xây dựng, nguyên vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao bì, thùng gỗ,...

- Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 15 kg/ngày, bao gồm: rác thải vỏ hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa của công nhân trên công trường.

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 50 kg/tháng, bao gồm: Thùng, can đựng dầu diesel và mỡ bôi trơn, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại (dầu, mỡ), bóng đèn huỳnh quang thải, hỏng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng (như: máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế xã hội; tác động đến đa dạng sinh học; tác động đến giao thông của khu vực, tác động đến mạng thoát nước khu vực,...

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố do thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành dự án

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ cán bộ, giáo viên và nhóm trẻ khoảng 23,0 m³/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng,...

* Bụi, khí thải:

- Khí thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂,...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CFC.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động các phương tiện giao thông, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, CO, NO₂, SO₂,...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt khoảng 162,5 kg/ngày.

- Bùn phát sinh từ hoạt động nạo vét bề tự hoại khoảng 13 m³/năm.

- Bùn phát sinh từ hoạt động nạo vét cống, hố ga khoảng 1,0 m³/năm.

- Chất thải từ hoạt động tu bổ hạ tầng kỹ thuật như cây cối, cành cây chặt bỏ khoảng 10 m³/năm, sửa chữa đường giao thông nội bộ khoảng 0,0291 m³/lần.

- Chất thải nguy hại (gồm: các loại chai đựng hóa chất tẩy rửa, bình xịt muỗi, bóng đèn huỳnh quang hỏng,...) khoảng 15,36 kg/tháng.

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; sự cố kỹ thuật, sự cố lây bệnh, nguy cơ lan truyền mầm bệnh, sự cố an toàn thực phẩm, sự cố ngập úng,...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân bãi, đường đi,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông đi lại trong khu vực dự án,...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động do sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; sự cố kỹ thuật, sự cố lây bệnh, nguy cơ lan truyền mầm bệnh, sự cố an toàn thực phẩm, sự cố ngập úng,...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước mưa chảy tràn:

- Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa trong và xung quanh khu vực thi công theo độ dốc tự nhiên để thu gom nước mưa tránh chảy tràn lan ra bên ngoài.

- Đấu nối với đường thoát nước mặt chung của địa phương.

- Khôi thông hệ thống rãnh thoát nước nếu để xảy ra tình trạng ứ đọng, bồi lấp.

- Không tập kết phế thải cạnh các tuyến thoát nước mưa của khu vực.

* Nước thải thi công:

- Bố trí 2-3 thùng phuy, dung tích 200 lít/thùng để chứa nước phục vụ vệ sinh máy móc, thiết bị, sau đó nước này được tận dụng cho công tác dập bụi tại khu vực công trường thi công, không thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

- Nước thải từ rửa bánh xe được thu vào hố lắng, tận dụng tưới ẩm công trường, dập bụi, bảo dưỡng bê tông.

* Nước thải sinh hoạt:

- Sử dụng nhà vệ sinh di động 02 buồng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của công nhân (thuê của đơn vị cung ứng trên địa bàn thị xã Việt Yên). Nhà vệ sinh đồng bộ bể chứa chất thải có kết cấu composite hợp khối, có hầm phân xử lý 04 ngăn để xử lý nước thải, dung tích chứa khoảng 5m³.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B và đấu nối với hệ thống mương thoát của khu vực cạnh dự án.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi và khí thải

- Không sử dụng các phương tiện chuyên chở đất quá cũ và không chở nguyên vật liệu quá đầy, quá tải trọng cho phép và phải có bạt che phủ nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí.

- Phương tiện vận tải khi qua khu vực đông dân cư phải chạy chậm để hạn chế đất đá, bụi rơi vãi trên đường (chạy với tốc độ 5km/h).

- Có chế độ tiêu tiết xe vận tải, không chế khoảng cách tối thiểu giữa các xe vận chuyên nguyên vật liệu tối thiểu là 200m để hạn chế bụi.

- Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm, có mật độ người qua lại cao. Đặc biệt là giờ đi làm 7h-8h và giờ ra về 16h30'-17h.

- Trang bị 01 xe tưới nước có dung tích bồn chứa 5m³/xe. Công tác tưới nước được thực hiện thường xuyên trong ngày nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết, vào những ngày khô hanh số lần tưới khoảng 02 lần/ngày. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m².

- Bố trí vòi rửa xe tại vị trí công trường xây dựng, đảm bảo xe chở nguyên vật liệu, đất đá thải ra khỏi công trình phải được rửa sạch bánh, thân xe, bạt che đầy đủ mới được lưu hành trên đường.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân khi làm việc (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động) để bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy xúc, máy ủi đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt, dung tích 120 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại tạm.

- Chủ dự án hợp đồng với tổ vệ sinh tại địa phương định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý theo quy định, với tần suất 02 lần/tuần.

* Chất thải rắn thi công xây dựng:

- Sử dụng nguyên liệu hợp lý, tiết kiệm, khoa học nhằm tránh phát sinh nhiều chất thải.

- Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

+ Các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton,... được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

+ Các loại chất thải như đất, bê tông khô... được tận dụng làm nguyên vật liệu san nền trong quá trình thi công xây dựng.

+ Các loại chất thải không tận dụng được thu gom, vận chuyển đến bãi đổ thải của dự án, với tần suất 01 tháng/lần (*bãi đổ thải có vị trí tại khu đồng Bãi Bầu, Bãi Bò, Tổ dân phố Như Thiết, phường Hồng Thái, cách dự án khoảng 1,8km*).

- Bố trí khu vực lưu chứa tạm thời nằm ở phía Tây Nam dự án gần khu vực đường giao thông để thuận tiện cho việc vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định (*khu vực lưu chứa tạm thời có diện tích khoảng 200m², trí cách xa hệ thống tiêu thoát nước*).

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí 06 thùng phi có dung tích 100 lít/thùng để thu gom, lưu trữ riêng biệt từng loại chất thải nguy hại phát sinh. Mỗi thùng chứa có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại (CTNH) theo quy định, được lưu chứa tại kho chứa CTNH tạm thời có diện tích 10m² ở phía Tây Nam của dự án (kho chứa CTNH: kết cấu tôn ghép, cửa lưới thép, có biển cảnh báo).

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển CTNH mang đi xử lý 01 lần khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng dự án.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Gia cố nền công trình, cố định chân máy trước khi vận hành đối với các máy móc có độ rung lớn.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Các phương tiện vận tải phải đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định về giao thông vận tải.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về an toàn giao thông trên các tuyến đường vận chuyển.

- Tiến hành nạo vét ngay khi có hiện tượng bồi lắng nhằm ngăn ngừa sự úng ngập cục bộ.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế các rủi ro tai nạn lao động có khả năng xảy ra, ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

- Đặt các biển báo hiệu để cảnh báo cho người dân được biết là khu vực có xe thường xuyên ra vào nhằm hạn chế tai nạn xảy ra.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý nhằm tránh các giờ cao điểm có khả năng ảnh hưởng đến giao thông chung (giờ đi làm việc, giờ tan làm, giờ đi học, tan trường...). Bố trí hợp lý thời gian, khoảng cách giữa các chuyến xe ra, vào dự án cách nhau hợp lý.

- Nhiên liệu được đựng hoặc chứa trong các thùng chuyên dụng, đảm bảo kín, không gây rò rỉ.

- Xây dựng nội quy phòng cháy, chữa cháy và kế hoạch ứng cứu sự cố cháy nổ theo quy định. Đồng thời, trang bị phương tiện chữa cháy tại các kho (như: bình bột, bình CO₂, cát, hồ nước,...).

- Xây dựng hệ thống thoát nước tạm thời và thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, nạo vét đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực, đặc biệt trong mùa mưa, bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai.

4.2. Giai đoạn vận hành dự án

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ khu bếp được thu gom về bể tách mỡ 4 m³, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm.

- Nước thải nhà vệ sinh (từ các xí tiểu, chậu rửa, phễu thu sàn) được thu gom về bể tự hoại bằng ống thoát nước D110. Nước thải sau xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại (dung tích 15 m³/bể) tiếp tục được đưa về hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày đêm của dự án (công nghệ xử lý sinh học) để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B và đầu nối với hệ thống mương thoát nước khu vực dự án thuộc Tổ dân phố Hùng Lãm 3, phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên.

* Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa được thu gom từ trên mái nhà của công trình xuống hệ thống cống thu gom nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường nội bộ dự án rồi thoát vào cống thoát nước mưa hiện có của khu vực bằng các đường ống PVC. Trên đường thoát nước mưa có bố trí các hố ga lắng cặn.

Hệ thống thoát nước mưa bề mặt được xây dựng bằng bê tông cốt thép D400 theo nguyên tắc tự chảy, với độ dốc $i = 0,3\%$.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các làn đường dẫn vào bãi đỗ xe hợp lý; phương tiện ra, vào dự án phải theo đúng quy định hướng dẫn của người quản lý.

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án theo quy hoạch xây dựng.

- Hệ thống điều hòa nhiệt độ được lắp đặt tại vị trí hợp lý, theo đúng thiết kế, đảm bảo không phát tán nhiệt dư gây ô nhiễm nhiệt cục bộ; đồng thời lắp đặt, sử dụng các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường để hạn chế phát thải CFC.

- Thực hiện biện pháp thông thoáng tại khu vực nấu ăn bằng cách bố trí các quạt hút mùi, quạt thông gió.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí khoảng 15 thùng chứa rác, dung tích 120 lít/thùng để các lớp học chủ động thu gom về thùng rác công cộng, khu vực đường giao thông. Rác thải sẽ được đơn vị chức năng của địa phương đến vận chuyển mang đi xử lý ngay trong ngày.

- Các loại chất thải bùn cặn từ bể tự hoại, từ hố ga thoát nước được thu gom, chuyển cho đơn vị chức năng để xử lý theo quy định.

- Các chất thải từ hoạt động tu bổ hạ tầng được thu gom, đổ thải tại bãi chứa rác của phường Hồng Thái, thị xã Việt Yên.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa CTNH có diện tích khoảng $10m^2$, bên trong đặt các thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng, có dán nhãn cảnh báo, mã chất thải cho từng thùng và CTNH được lưu chứa riêng biệt từng loại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển CTNH đem đi xử lý theo quy định (định kỳ 06 tháng/lần hoặc khi thùng chứa đầy).

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn do các phương tiện giao thông đưa đón trẻ, đây là nguồn gây ồn chỉ mang tính chất gián đoạn và không đáng kể, dự án đã có kế hoạch bố trí bãi đỗ xe riêng biệt.

- Tuân thủ đúng thiết kế xây dựng công trình đảm bảo an toàn, nằm ngoài hàng lang bảo vệ đường sắt, đảm bảo khoảng cách theo yêu cầu về xây dựng tại QCVN 01:2021/BXD và đảm bảo theo tiêu chuẩn của Bộ Giao thông vận tải về đường sắt.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình thiết kế và thi công xây lắp, công trình phải được thoả thuận phòng cháy, chữa cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy, chữa cháy địa phương, khi công trình đưa vào sử dụng phải có giấy chứng nhận phòng cháy, chữa cháy do cơ quan chức năng cấp.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy, chữa cháy cho các khu nhà ngoài các phương tiện tại chỗ (như: bình bọt, các họng chờ nước), phải xây dựng bể ngầm để phục vụ công tác chữa cháy.

- Có phương pháp và thường xuyên tổ chức tập huấn tác chiến về công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Xây dựng nội quy ra, vào khu vực trường học: Các phương tiện không đi quá tốc độ 5km/h khi đi vào sân trường, bố trí khu vực lối vào khu đỗ xe, không đi qua sân trường, không điều khiển phương tiện vào sân trong giờ ra chơi,...

- Bố trí biển báo tốc độ cho phép khi đi lại trong khu vực dự án.

- Không được tự ý thi công, đào đất phía trên đường ống thu gom nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các hạng mục trong hệ thống thu gom nước thải nhằm kịp thời phát hiện các khu vực xuống cấp, rạn nứt để sửa chữa hoặc xây mới.

- Thực hiện giữ gìn vệ sinh chung, có các biện pháp vệ sinh phòng dịch, cách ly khu vực bị nghi ngờ là có dịch để kịp thời phòng ngừa, tránh lây lan cho toàn khu vực.

- Bếp ăn của nhà trường được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ an toàn vệ sinh thực phẩm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

a) Môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

b) Chất thải rắn thông thường:

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung rác thải.

- Thông số giám sát: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng.

- Tần suất: hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 08/2017/BXD ngày 16/5/2017 của Bộ xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

c) Chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu giữ CTNH.
- Thông số giám sát: Chung loại và khối lượng CTNH phát sinh.
- Tần suất: hàng ngày.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành dự án

a) Nước thải sinh hoạt:

Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt khoảng 23 m³/ngày đêm, do đó không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

b) Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập kết rác thải thông thường, kho chứa chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần.
- Tần suất giám sát: hàng ngày.
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ dự án đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi xả thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét) và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 409/TTr-STNMT ngày 14/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án./.